|  |  |
| --- | --- |
| PHÒNG GD&ĐT ĐIỆN BÀN  **TRƯỜNG THCS TRẦN CAO VÂN** | **KHUNG MA TRẬN**  **ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KỲ I NĂM HỌC 2023 - 2024**  **MÔN LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÝ - LỚP 8** |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | | **Chương/**  **chủ đề** | | **Nội dung/đơn vị kiến thức** | | **Mức độ nhận thức** | | | | | | | | | | **Tổng**  **% điểm** | |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | | **Vận dụng** | | | **Vận dụng cao** | |
| **Phân môn Địa lý** | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 1 | | ĐẶC ĐIỂM VỊ TRÍ ĐỊA LÍ VÀ PHẠM VI LÃNH THỔ VIỆT NAM | | 1. Đặc điểm vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ | | 1\* | |  | |  | | |  | | |  | |
| 2. Ảnh hưởng của vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ đối với sự hình thành đặc điểm địa lí tự nhiên Việt Nam | |  | |  | |  | | |  | | |  | |
| **2** | | ĐẶC ĐIỂM ĐỊA HÌNH VÀ KHOÁNG SẢN VIỆT NAM | | 1. Đặc điểm chung của địa hình | | 2\* | |  | |  | | |  | | |  | |
| 2. Các khu vực địa hình. Đặc điểm cơ bản của từng khu vực địa hình | | 2 | |  | |  | | |  | | | **5,0%** | |
| 3 Ảnh hưởng của địa hình đối với sự phân hoá tự nhiên và khai thác kinh tế | |  | |  | |  | | |  | | |  | |
| 4. Đặc điểm chung của tài nguyên khoáng sản Việt Nam. Các loại khoáng sản chủ yếu | |  | | 1  1\* | |  | | |  | | | **15%** | |
| **3** | | ĐẶC ĐIỂM KHÍ HẬU VÀ THUỶ VĂN VIỆT NAM | | 1. Khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa, phân hoá đa dạng | | 3 | |  | | 1/2 | | | 1/2 | | | **22,5%** | |
| 2. Đặc điểm sông ngòi. Chế độ nước sông của một số hệ thống sông lớn | | 3 | |  | |  | | |  | | | **7,5%** | |
| ***Tỉ lệ*** | | | | | | **20%** | | **15%** | | **10%** | | | **5%** | | | **50%** | |
| **Tổng hợp chung** | | | | | | **40%** | | **30%** | | **20%** | | | **10%** | | | **100%** | |
| **Phân môn Lịch sử** | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| **1** | | **CHÂU ÂU VÀ BẮC MỸ TỪ NỬA SAU TK XVI ĐẾN TK XVIII** | | 1. Cách mạng tư sản Anh | | 1\* | |  | | |  | | |  | |  | |
| 2. Chiến tranh giành độc lập của 13 thuộc địa Anh ở Bắc Mỹ | | 1\* | |  | | |  | | |  | |  | |
| 3. Cách mạng tư sản Pháp | | 1\* | |  | | |  | | |  | |  | |
| 4. Cách mạng công nghiệp | | 1\* | |  | | |  | | |  | |  | |
| **2** | | **ĐÔNG NAM Á TỪ NỬA SAU THẾ KỈ XVI ĐẾN THẾ KỈ XIX** | | 1. Quá trình xâm lược Đông Nam Á của thực dân phương Tây | | 2 | |  | | |  | | |  | | 5,0% | |
| 2. Tình hình chính trị, kinh tế, văn hoá – xã hội của các nước Đông Nam Á | | 2\* | |  | | |  | | |  | |  | |
| 3. Cuộc đấu tranh chống ách đô hộ của thực dân phương Tây ở Đông Nam Á | |  | |  | | |  | | |  | |  | |
| **3** | | **VIỆT NAM TỪ ĐẦU THẾ KỈ XVI ĐẾN THẾ KỈ XVIII** | | 1. Xung đột Nam – Bắc triều, Trịnh – Nguyễn | | 1\* | |  | | |  | | |  | |  | |
| 2. Những nét chính trong quá trình mở cõi từ thế kỉ XVI đến thế kỉ XVIII | | 1\* | |  | | |  | | |  | |  | |
| 3. Khởi nghĩa nông dân ở Đàng Ngoài thế kỉ XVIII | | 1 | |  | | |  | | |  | | 2,5% | |
| 4. Phong trào Tây Sơn | | 1 | |  | | |  | | |  | | 2,5% | |
| 5. Kinh tế, văn hoá, tôn giáo trong các thế kỉ XVI – XVIII | | 1 | | 1 | | | 1 | | |  | | 22,5% | |
| **4** | | **CHÂU ÂU VÀ NƯỚC MỸ TỪ CUỐI THẾ KỈ XVIII ĐẾN ĐẦU THẾ KỈ XX** | | 1. Sự hình thành của chủ nghĩa đế quốc | |  | |  | | | 1 | | |  | | 10,0% | |
| 2. Các nước Âu – Mỹ từ cuối thế kỉ XIX đến đầu thế kỉ XX. | | 2 | | 1\* | | |  | | |  | | 5,0% | |
| 3. Phong trào công nhân và sự ra đời của chủ nghĩa Mác | | 1 | |  | | |  | | |  | | 2,5% | |
| **Tổng số câu** | | | | | | 8 câu | | 1 câu | | | 2 câu | | | 0 | | **11** | |
| **Tỉ lệ** | | | | | | **20%** | | **15%** | | | **15%** | | | **0%** | | **50%** | |

|  |  |
| --- | --- |
| PHÒNG GD&ĐT ĐIỆN BÀN  **TRƯỜNG THCS TRẦN CAO VÂN** | **BẢNG ĐẶC TẢ**  **ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KỲ I NĂM HỌC 2023 - 2024**  **MÔN LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÝ - LỚP 8** |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chương/**  **Chủ đề** | **Nội dung/Đơn vị kiến thức** | | **Mức độ đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | |
| ***Nhận biết*** | ***Thông hiểu*** | ***Vận dụng*** | ***Vận dụng cao*** |
| ***Phân môn Địa lý*** | | | | | | | | |
| 1 | **ĐẶC ĐIỂM VỊ TRÍ ĐỊA LÍ VÀ PHẠM VI LÃNH THỔ VIỆT NAM** | 1. Đặc điểm vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ | **Nhận biết**  - Trình bày được đặc điểm vị trí địa lí. | | 1\* |  |  |  |
| 2. Ảnh hưởng của vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ đối với sự hình thành đặc điểm địa lí tự nhiên Việt Nam |  | |  |  |  |  |
| 2 | **ĐẶC ĐIỂM ĐỊA HÌNH VIỆT NAM** | 1. Đặc điểm chung của địa hình | **Nhận biết**  - Trình bày được một trong những đặc điểm chủ yếu của địa hình Việt Nam: Đất nước đồi núi, đa phần đồi núi thấp; Hướng địa hình; Địa hình nhiệt đới ẩm gió mùa; Chịu tác động của con người. | | 2\* |  |  |  |
| 2. Các khu vực địa hình. Đặc điểm cơ bản của từng khu vực địa hình | **Nhận biết**  - Trình bày được đặc điểm của các khu vực địa hình: địa hình đồi núi; địa hình đồng bằng; địa hình bờ biển và thềm lục địa. | | 2 |  |  |  |
| 3 Ảnh hưởng của địa hình đối với sự phân hoá tự nhiên và khai thác kinh tế |  | |  |  |  |  |
| 4. Đặc điểm chung của tài nguyên khoáng sản Việt Nam. Các loại khoáng sản chủ yếu | **Thông hiểu**  - Trình bày và giải thích được đặc điểm chung của tài nguyên khoáng sản Việt Nam.  - Phân tích được đặc điểm phân bố các loại khoáng sản chủ yếu và vấn đề sử dụng hợp lí tài nguyên khoáng sản. | |  | 1  1\* |  |  |
| 3 | ĐẶC ĐIỂM KHÍ HẬU VÀ THUỶ VĂN VIỆT NAM | 1. Khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa, phân hoá đa dạng | **Nhận biết**  - Trình bày được đặc điểm khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa của Việt Nam.  **Thông hiểu**  - Chứng minh được sự phân hoá đa dạng của khí hậu Việt Nam: phân hóa bắc nam, phân hóa theo đai cao.  **Vận dụng**  - Vẽ và phân tích được biểu đồ khí hậu của một số trạm thuộc các vùng khí hậu khác nhau. | | 3 |  | 1/2 | 1/2 |
| 2. Đặc điểm sông ngòi. Chế độ nước sông của một số hệ thống sông lớn | **Nhận biết**  - Xác định được trên bản đồ lưu vực của các hệ thống sông lớn.  **Thông hiểu**  - Phân tích được đặc điểm mạng lưới sông và chế độ nước sông của một số hệ thống sông lớn. | | 3 | 1\* |  |  |
| Số câu/ loại câu | | |  | | 8 câu | 1 câu | 1 câu | 1 câu |
| ***Tỉ lệ %*** | | |  | | ***20*** | ***15*** | ***10*** | ***5*** |
| **Tổng hợp chung** | | |  | | **40%** | **30%** | **20%** | **10%** |
| **Phân môn Lịch sử** | | | | | | | | |
| 1 | **CHÂU ÂU VÀ BẮC MỸ TỪ NỬA SAU THẾ KỈ XVI ĐẾN THẾ KỈ XVIII** | 1. Cách mạng tư sản Anh | | **Nhận biết**  - Trình bày được những nét chung về nguyên nhân, kết quả của cách mạng tư sản Anh. | 1\* |  |  |  |
| 2. Chiến tranh giành độc lập của 13 thuộc địa Anh ở Bắc Mỹ | | **Nhận biết**  - Trình bày được những nét chung về nguyên nhân, kết quả của cuộc Chiến tranh giành độc lập của 13 thuộc địa Anh ở Bắc Mỹ | 1\* |  |  |  |
| 3. Cách mạng tư sản Pháp | | **Nhận biết**  - Trình bày được những nét chung về nguyên nhân, kết quả của cách mạng tư sản Pháp. | 1\* |  |  |  |
| 4. Cách mạng công nghiệp | | **Nhận biết**  - Trình bày được những thành tựu tiêu biểu của cách mạng công nghiệp. | 1\* |  |  |  |
| 2 | **ĐÔNG NAM Á TỪ NỬA SAU THẾ KỈ XVI ĐẾN THẾ KỈ XIX** | 1. Quá trình xâm lược Đông Nam Á của thực dân phương Tây | | **Nhận biết**  Trình bày được những nét chính trong quá trình xâm nhập của tư bản phương Tây vào các nước Đông Nam Á. | 2 |  |  |  |
| 2. Tình hình chính trị, kinh tế, văn hoá – xã hội của các nước Đông Nam Á | | **Nhận biết**  - Nêu được những nét nổi bật về tình hình chính trị, kinh tế, văn hoá – xã hội của các nước Đông Nam Á dưới ách đô hộ của thực dân phương Tây. | 2\* |  |  |  |
| 3. Cuộc đấu tranh chống ách đô hộ của thực dân phương Tây ở Đông Nam Á | |  |  |  |  |  |
| 3 | **VIỆT NAM TỪ ĐẦU THẾ KỈ XVI ĐẾN THẾ KỈ XVIII** | 1. Xung đột Nam – Bắc triều, Trịnh – Nguyễn | | **Nhận biết**  - Nêu được những nét chính Mạc Đăng Dung về sự ra đời của Vương triều Mạc. | 1\* |  |  |  |
| 2. Những nét chính trong quá trình mở cõi từ thế kỉ XVI đến thế kỉ XVIII | | **Nhận biết**  - Trình bày được khái quát về quá trình mở cõi của Đại Việt trong các thế kỉ XVI – XVIII. | 1\* |  |  |  |
| 3. Khởi nghĩa nông dân ở Đàng Ngoài thế kỉ XVIII | | **Nhận biết**  - Nêu được một số nét chính (bối cảnh lịch sử, diễn biến, kết quả và ý nghĩa) của phong trào nông dân ở Đàng Ngoài thế kỉ XVIII. | 1 |  |  |  |
| 4. Phong trào Tây Sơn | | **Nhận biết**  - Trình bày được một số nét chính về nguyên nhân bùng nổ của phong trào Tây Sơn. | 1 |  |  |  |
|  |  | **5. Kinh tế, văn hoá, tôn giáo trong các thế kỉ XVI – XVIII** | | **Nhận biết**  - Nêu được những nét chính về tình hình kinh tế trong các thế kỉ XVI – XVIII.  **Thông hiểu**  - Mô tả được những nét chính về sự chuyển biến văn hoá và tôn giáo ở Đại Việt trong các thế kỉ XVI – XVIII.  **Vận dụng**  - Đề xuất một số giải pháp để bảo tồn các làng nghề đó. | 1 | 1 | 1 |  |
| 4 | **CHÂU ÂU VÀ NƯỚC MỸ TỪ CUỐI THẾ KỈ XVIII ĐẾN ĐẦU THẾ KỈ XX** | 1. Sự hình thành của chủ nghĩa đế quốc | | **Thông hiểu**  - Mô tả được những nét chính về quá trình hình thành của chủ nghĩa đế quốc.  **Vận dụng**  - Tại sao trong quá trình chuyển sang chủ nghĩa đế quốc, các đế quốc đều tăng cường xâm chiếm và mở rộng thị trường, thuộc địa? |  | 1\* | 1 |  |
| 2. Các nước Âu – Mỹ từ cuối thế kỉ XIX đến đầu thế kỉ XX. | | **Nhận biết**  - Nêu được những chuyển biến lớn về kinh tế, chính sách đối nội, đối ngoại của các đế quốc Anh, Pháp, Đức, Mỹ từ cuối thế kỉ XIX đến đầu thế kỉ XX. | 2 |  |  |  |
| 3. Phong trào công nhân và sự ra đời của chủ nghĩa Marx | | **Nhận biết**  - Nêu được sự ra đời của giai cấp công nhân.  - Trình bày được một số hoạt động chính của Karl Marx, Friedrich Engels và sự ra đời của chủ nghĩa xã hội khoa học. | 1 |  |  |  |
| Số câu/ loại câu | | | |  | 8 câu | 1 câu | 2 câu | 0 |
| ***Tỉ lệ %*** | | | |  | ***20%*** | ***15%*** | ***15%*** | ***0%*** |

|  |  |
| --- | --- |
| PHÒNG GD&ĐT ĐIỆN BÀN  **TRƯỜNG THCS TRẦN CAO VÂN** | **ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KỲ I NĂM HỌC 2023 - 2024**  **MÔN LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÝ - LỚP 8**  **Thời gian: 90 phút** (không kể giao đề) |

**A. PHÂN MÔN LỊCH SỬ *(5,0 điểm***)

**I. TRẮC NGHIỆM:** (2,0 điểm) ***Chọn câu trả lời đúng, rồi ghi vào giấy làm bài***

**Câu 1.** Hà Lan hoàn thành việc xâm chiếm và thiết lập ách thống trị ở In-đô-nê-xi-a vào thời gian nào?

A. Giữa thế kỉ XVIII. B. Đầu thế kỉ XIX.

C. Giữa thế kỉ XIX. D. Đầu thế kỉ XX.

**Câu 2.** Từ giữa thế kỉ XVI, Phi-líp-pin là thuộc địa của nước nào?

A. Bồ Đào Nha. B. Tây Ban Nha. C. Anh. D. Pháp.

**Câu 3.** Năm 1757 là dấu mốc gắn với thành tựu nào trong công cuộc khai phá vùng đất phía Nam của các chúa Nguyễn?

A. Phủ Phú Yên được thành lập.

B. Hệ thống chính quyền ở Nam Bộ được hoàn thiện.

C. Phủ Gia Định được thành lập.

D. Dinh Thái Khang (Khánh Hoà) được thành lập.

**Câu 4.** Khởi nghĩa Tây Sơn bùng nổ năm 1771 là do

A. mâu thuẫn giữa nhân dân và chính quyền Đàng Trong.

B. mâu thuẫn giữa ba anh em Tây Sơn và chúa Nguyễn.

C. nguy cơ xâm lược của quân Xiêm.

D. yêu cầu khai phá vùng đất phía Nam.

**Câu 5.** Các đô thị nổi tiếng ở Đàng Ngoài của Đại Việt trong các thế kỉ XVI – XVIII:

A. Kẻ Chợ, Phố Hiến. B. Thanh Hà, Hội An.

C. Bến Nghé, Cù Lao Phố. D. Mỹ Tho, Tiền Giang.

**Câu 6.** Đến cuối thế kỉ XIX, Đức là một nước liên bang theo chế độ

A. quân chủ chuyên chế. B. cộng hòa tổng thống.

C. quân chủ lập hiến. D. dân chủ nhân dân.

**Câu 7.** Cuối thế kỉ XIX - đầu thế kỉ XX, trên lĩnh vực đối ngoại, giới cầm quyền Đức chủ trương

A. đàn áp phong trào đấu tranh của công nhân.

B không can thiệp vào các vấn đề bên ngoài châu Âu.

C. tập trung mọi nguồn lực cho phát triển kinh tế.

D. dùng vũ lực để chia lại thuộc địa trên thế giới.

**Câu 8.** C.Mác và Ph.Ăng-ghen là tác giả của văn kiện nào?

A. Tuyên ngôn về Nhân quyền và Dân quyền. B. Tình cảnh của giai cấp công nhân Anh.

C. Bàn về Khế ước xã hội. D. Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản.

**II. PHẦN TỰ LUẬN** (3,0 điểm)

**Câu 1.** (1,5 điểm) Trình bày những nét chính về sự chuyển biến về tư tưởng, tín ngưỡng, tôn giáo, văn học và chữ viết ở Đại Việt trong các thế kỉ XVI - XVIII.

**Câu 2.** (1,0 điểm) Vì sao trong quá trình chuyển sang chủ nghĩa đế quốc, các đế quốc đều tăng cường xâm chiếm và mở rộng thị trường, thuộc địa?

**Câu 3.** (0,5 điểm) Đề xuất biện pháp bảo tồn các làng nghề truyền thống ở Đại Việt trong các thế kỉ XVI – XVIII tồn tại đến ngày nay.

**B. PHÂN MÔN ĐỊA LÝ *(5,0 điểm***)

**I. TRẮC NGHIỆM:** *(2,0 điểm)* Chọn câu trả lời đúng, rồi ghi vào giấy làm bài

**Câu 1.** Bờ biển nước ta có dạng địa hình nào?

A. Bờ biển mài mòn, bờ biển nhân tạo. B. Bờ biển bồi tụ, bờ biển mài mòn.

C. Bờ biển nhân tạo, bờ biển bồi tụ. D. Bờ biển tự nhiên, bờ biển nhân tạo.

**Câu 2.**Hai chi lưu lớn nhất của hệ thống sông Mê Công ở Việt Nam là

A. sông Hậu và Đồng Nai. B. Đồng Nai và Sài Gòn.

C. Mỹ Tho và Đak Krông. D. sông Tiền và sông Hậu.

**Câu 3.** Vùng núi Tây Bắc nằm

A. tả ngạn sông Hồng đến biên giới phía Bắc.

B. kéo dài khoảng 600 km từ phía nam sông Cả tới dãy Bạch Mã.

C. phía nam dãy Bạch Mã.

D. giữa sông Hồng và sông Cả.

**Câu 4.** Tính chất ẩm của khí hậu nước ta thể hiện qua các yếu tố nào?

A. Nhiệt độ và số giờ nắng. B. Lượng mưa và độ ẩm.

C. Độ ẩm và cán cân bức xạ. D. Ánh sáng và lượng mưa.

**Câu 5.** Gió mùa mùa hạ hoạt động ở nước ta vào thời gian nào?

A. Từ tháng 10 đến tháng 4 năm sau. B. Từ tháng 11 đến tháng 4 năm sau.

C. Từ tháng 10 đến tháng 5 năm sau. D. Từ tháng 11 đến tháng 5 năm sau.

**Câu 6.**Tính chất nhiệt đới của khí hậu Việt Nam được thể hiện qua yếu tố nào?

A. Nhiệt độ trung bình năm trên cả nước lớn hơn 20oC.

B. Độ ẩm không khí cao, trung bình trên 80%.

C. Lượng mưa lớn, dao động từ 1500 – 2000 mm/ năm.

D. Chịu ảnh hưởng của các khối khí hoạt động theo mùa.

**Câu 7.** Hệ thống sông nào có lưu vực lớn nhất ở miền Bắc?

A. Sông Hồng. B. Thái Bình.

C. Sông Mã. D. Sông Cả.

**Câu 8.** Hệ thống sông nào có lưu vực lớn nhất ở nước ta?

A. Sông Thu Bồn. B. Sông Thái Bình.

C. Sông Mê Công. D. Sông Hồng.

**II. PHẦN TỰ LUẬN** *(3,0 điểm)*

**Câu 1** *(1,5 điểm)*. Giải thích đặc điểm chung của tài nguyên khoáng sản Việt Nam.

**Câu 2** *(1,5 điểm)*. Cho bảng số liệu: Nhiệt độ, lượng mưa trung bình các tháng trong năm của trạm Tân Sơn Hoà (TP Hồ Chí Minh). Hãy vẽ và phân tích biểu đồ trạm khí tượng của Tân Sơn Hoà (TP Hồ Chí Minh)

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tháng** | **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **7** | **8** | **9** | **10** | **11** | **12** |
| Nhiệt độ (0C) | 26.9 | 27.5 | 28.8 | 29.8 | 29.4 | 28.5 | 28.0 | 28.1 | 27.8 | 27.6 | 27.6 | 27.1 |
| Lượng mưa (mm) | 22.9 | 11.1 | 24.8 | 77.6 | 215.9 | 250.1 | 258.7 | 266.5 | 315.8 | 306.6 | 167.4 | 46.2 |

**------------ Hết ------------**

|  |  |
| --- | --- |
| PHÒNG GD&ĐT ĐIỆN BÀN  **TRƯỜNG THCS TRẦN CAO VÂN** | **HƯỚNG DẪN CHẤM VÀ BIỂU ĐIỂM**  **ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KỲ I NĂM HỌC 2023 - 2024**  **MÔN LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÝ - LỚP 8** |

1. **PHÂN MÔN LỊCH SỬ *(5,0 điểm***)

**A. PHÂN MÔN LỊCH SỬ**

**I. TRẮC NGHIỆM:** (2,0 điểm) Mỗi câu đúng đạt 0,25 điểm.

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 |
| **ĐA** | C | B | B | A | A | C | D | D |

**II. TỰ LUẬN:** (3,0 điểm)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Nội dung cần đạt** | **Điểm** |
| **1**  (1,5đ) | **Những nét chính về sự chuyển biến về tư tưởng, tín ngưỡng, tôn giáo, văn học và chữ viết ở Đại Việt trong các thế kỉ XVI - XVIII**  - Về tư tưởng, tín ngưỡng, tôn giáo:  + Nho giáo vẫn được chính quyền phong kiến đề cao trong học tập, thi cử và tuyển chọn quan lại.  + Phật giáo và Đạo giáo được phục hồi.  + Năm 1533, Công giáo được truyền bá vào nước ta và dần gây dựng được ảnh hưởng trong quần chúng.  + Tại các làng, xã, nhân dân vẫn giữ nếp sinh hoạt truyền thống như: thờ Thành hoàng, thờ cúng tổ tiên, tổ chức lễ hội hằng năm,...  - Về chữ viết: trong quá trình truyền Thiên Chúa giáo, các giáo sĩ phương Tây đã dùng chữ cái La-tinh để ghi âm tiếng Việt, tạo ra chữ Quốc ngữ. Loại chữ này dần dần được sử dụng phổ biến vì rất tiện lợi và khoa học.  - Về văn học:  + Văn học chữ Hán vẫn chiếm ưu thế.  + Văn học chữ Nôm đã phát triển mạnh hơn trước.  + Văn học dân gian tiếp tục phát triển với nhiều thế loại như: truyện tiếu lâm, thể thơ lục bát và song thất lục bát,… | 0,5  0,5  0,5 |
| **2**  (1,0đ) | **Trong quá trình chuyển sang chủ nghĩa đế quốc, các đế quốc đều tăng cường xâm chiếm và mở rộng thị trường, thuộc địa, vì:**  - Đối với các nước đế quốc, thị trường và thuộc địa có tầm quan trọng đặc biệt. Cụ thể:  + Là nơi cung cấp nguyên liệu và nhân công rẻ mạt, phục vụ cho sự phát triển kinh tế của các nước đế quốc.  + Là thị trường đầu tư và tiêu thụ hàng hóa, đem lại nguồn lợi nhuận khổng lồ cho các nước đế quốc.  + Là cơ sở vững chắc cho các nước đế quốc trong các cuộc tranh chấp, chiến tranh. | 0,25  0,25  0,25  0,25 |
| **3**  (0,5đ) | **Đề xuất biện pháp bảo tồn các lang nghề truyền thống**  - Xây dựng quy hoạch tổng thể và vùng nguyên liệu ổn định cho các làng nghề.  - Tìm kiếm thị trường tiêu thụ cho sản phẩm của các làng nghề truyền thống.  - Phát triển làng nghề truyền thống gắn với hoạt động du lịch trải nghiệm.  - Tôn vinh các nghệ nhân; đẩy mạnh các hoạt động học hỏi, truyền nghề cho thế hệ trẻ.  *(Tuỳ vào câu trả lời của HS mà GV ghi điểm hợp lý, HS đề xuất 2 giải pháp đúng đạt điểm tối đa)* | 0,5 |

**II. PHÂN MÔN ĐỊA LÝ *(5,0 điểm***)

**A. TRẮC NGHIỆM:** *(2,0 điểm)* Mỗi câu đúng đạt 0,25 điểm.

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 |
| **ĐA** | B | D | D | B | C | A | A | C |

**B. TỰ LUẬN:** *(3,0 điểm)*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Nội dung cần đạt** | **Điểm** |
| **1**  (1,5đ) | **Giải thích đặc điểm chung của tài nguyên khoáng sản Việt Nam**  - Sự phong phú, đa dạng của khoáng sản do Việt Nam ở vị trí giao nhau giữa các vành đai sinh khoáng, đồng thời có lịch sử phát triển địa chất lâu dài và phức tạp nên có nhiều loại khoáng sản.  + Các mỏ nội sinh thường hình thành ở các vùng có đứt gãy sâu, uốn nếp mạnh, có hoạt động mac-ma xâm nhập hoặc phun trào, như vùng núi Đông Bắc, Tây Bắc, dãy Trường Sơn,...  + Các mỏ ngoại sinh hình thành từ quá trình trầm tích tại các vùng biển nông, vùng bờ biển hoặc các vùng trũng được bồi đắp, lắng động vật liệu từ các vùng uốn nếp cổ có chứa quặng,... | 0,5  0,5  0,5 |
| **2**  (1,5đ) | **- Vẽ biểu đồ:**  + Đúng, đẹp.  + Chú giải.  **- Nhận xét biểu đồ:**  + Nhiệt độ trung bình năm: 280C  + Biên độ nhiệt: 2,90C  + Tổng lượng mưa trung bình năm: 1964mm  + Thời gian mùa mưa:5, 6,7,8,9,10 | 1,0  0,5 |

**------------ Hết ------------**